

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-ST

Ngày 30/7/2021

*(V/v: Tranh chấp về nuôi con của nam  
nữ chung sống với nhau như vợ chồng  
mà không ĐKKH)*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐƯỜNG, TỈNH LAI CHÂU**

***Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- ***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Hồ Thị Tuyết.
- ***Các Hội thẩm nhân dân:*** Ông Vàng Văn Hải; Ông Tao Văn Si.
- ***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** Bà Hà Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Đường.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đường tham gia phiên tòa:***  
Bà Tô Đỗ Yến Ly - Kiểm sát viên

Ngày 30/7/2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu, xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 30/2021/TLST - HNGĐ, ngày 22 tháng 6 năm 2021, về việc Tranh chấp về nuôi con của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Sùng A G, sinh năm 1983

Địa chỉ: Bản X, xã N, huyện T, tỉnh Lai Châu. (có mặt).

Bị đơn: Chị Thào Thị P, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Bản X, xã N, huyện T, tỉnh Lai Châu (vắng mặt có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện ngày 23/02/2021, Biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn anh Sùng A G trình bày: Năm 1999 anh Sùng A G và chị Thào Thị P được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán, chung sống trên cơ sở tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc khoảng 05 năm trở lại đây bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, đến đầu năm 2020 mâu thuẫn trầm trọng hơn. Gia đình thường xuyên mâu thuẫn dẫn đến ảnh hưởng tâm sinh lý cũng như việc học hành của các con. Anh Sùng A G và chị Thào Thị P sống ly thân từ tháng 9 năm 2020 đến nay. Nhận thấy không thể tiếp tục chung

sống với nhau được nữa, nên anh G làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị P.

Về con chung: Anh Sùng A G và chị Thảo Thị P có 03 con chung: Sùng Thị M, sinh năm 2001 đã lập gia đình riêng, Sùng Thị S, sinh ngày 12/12/2004 đã lập gia đình riêng, Sùng A S, sinh ngày 05/4/2005. Hiện cháu S đang ở cùng với anh G. Sau khi ly hôn anh G có nguyện vọng được nuôi cháu Sùng A S cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động, không yêu cầu chị Thảo Thị P cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện tại anh G làm ruộng, thu nhập 3.000.000đồng đến 4.000.000 đồng/tháng. Về chia tài sản: tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Anh Sùng A G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai bị đơn chị Thảo Thị P trình bày: Về tình trạng hôn nhân giữa chị và anh G đúng như anh G đã trình bày. Anh và chị được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán vào năm 1999, không có đăng ký kết hôn, lấy nhau trên cơ sở tự nguyện. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Tuy nhiên mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng, nay anh G xin ly hôn chị không đồng ý ly hôn. Về con chung: Chị và anh G có ba con chung đúng như anh G đã trình bày. Nếu ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cháu Sùng A S cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Chị P không yêu cầu anh G phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về chia tài sản: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Chị Thảo Thị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Biên bản ghi lời khai ngày 23 tháng 02 năm 2021 của cháu Sùng A S thể hiện: Cháu S là con ruột của chị Thảo Thị P và anh Sùng A G, cháu không có tài sản riêng. Nay anh G, chị P ly hôn cháu S có nguyện vọng được ở với anh G, được anh G nuôi dưỡng cho đến lúc trưởng thành.

Biên bản ghi lời khai ngày 23 tháng 02 năm 2021 của cháu Sùng Thị S thể hiện: Cháu S là con ruột của chị Thảo Thị P và anh Sùng A G, cháu không có tài sản riêng. Tuy cháu chưa đủ 18 tuổi nhưng cháu đã lập gia đình riêng, do vậy không đề nghị chị P và anh G phải cấp dưỡng nuôi cháu.

Tại phiên hòa giải ngày 16/3/2021, anh Sùng A G và chị Thảo Thị P thỏa thuận được anh Sùng A G là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Sùng A S cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động, chị Thảo Thị P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại biên bản xác minh ngày 01 tháng 3 năm 2021 giữa Tòa án nhân dân huyện Tam Đường và chính quyền địa phương xã N xác định: Cháu Sùng Thị S sinh ngày 12/12/2004 là con ruột của anh Sùng A G và chị Thảo Thị P, hiện cháu S đã lập gia đình vào năm 2019 và ở cùng bố mẹ tại bản Xi Miền Khan, xã Nùng Nàng, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đường tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi vụ án được đưa ra xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ, chính xác trình tự thủ tục tố tụng, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, cũng như các văn bản pháp lý liên quan.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Áp dụng khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố nguyên đơn Sùng A G và bị đơn Thào Thị P không phải là vợ chồng. Về con chung: đề nghị ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về con chung, anh Sùng A G được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Sùng A B sinh ngày 05/4/2005 cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Chị Thào Thị P không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung do nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét giải quyết và miễn nộp án phí cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét khách quan, toàn diện ý kiến của đương sự Hội đồng xét xử có cơ sở nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn Thào Thị P cư trú tại Bản Xì Miền Khan, xã Nùng Nàng, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu. Căn cứ quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu.

Trước thời điểm mở phiên tòa, bị đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, vì vậy HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Sùng A G và chị Thào Thị P tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán từ năm 1999, không có đăng ký kết hôn, do vậy Hội đồng xét xử xác định hôn nhân giữa anh Sùng A G và chị Thào Thị P là hôn nhân không hợp pháp. Sau khi tổ chức đám cưới, anh G và chị P chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm và đã ly thân từ tháng 9 năm 2020.

Nay anh Sùng A G xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh G có quyền đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với chị Thảo Thị P. Quá trình giải quyết vụ án, xác định được mâu thuẫn của vợ chồng chị anh G, chị P đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Quan hệ hôn nhân giữa anh G, chị P là quan hệ hôn nhân không hợp pháp, do vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh G, căn cứ vào Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình để tuyên bố anh G, chị P không phải là vợ chồng.

[3]. Việc nuôi con: Anh Sùng A G và chị Thảo Thị P có 03 con chung: Sùng Thị M, sinh năm 2001 đã lập gia đình riêng, Sùng Thị S, sinh ngày 12/12/2004 đã lập gia đình riêng, Sùng A B, sinh ngày 05/4/2005. Qua xác minh tại chính quyền địa phương xác định được cháu Sùng Thị S tuy chưa đủ 18 tuổi nhưng đã lập gia đình riêng, bản thân cháu S cũng không đề nghị bố mẹ nuôi dưỡng, chăm sóc do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Cháu Sùng A B đã trên 07 tuổi và nguyện vọng của cháu là được ở cùng với bố, do vậy Hội đồng xét xử cần ghi nhận nguyện vọng của cháu. Hơn nữa, tại phiên hòa giải ngày 16/3/2021 anh Sùng A G và chị Thảo Thị P đã thỏa thuận được anh Sùng A G là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Sùng A B (sinh ngày 05/4/2005) cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động, chị Thảo Thị P không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Trong đơn xin xét xử vắng mặt của chị Thảo Thị P, chị P giữ nguyên ý kiến như trong biên bản hòa giải ngày 16/3/2021. Xét thấy sự thỏa thuận nuôi con chung của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận.

[4]. Về chia tài sản: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Nguyên đơn và bị đơn đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Quá trình giải quyết vụ án anh Sùng A G xuất trình được tài liệu chứng cứ chứng minh anh G là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn Sùng A G thuộc trường hợp miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

***Vì các lẽ trên***

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228,

Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Sùng A G.
2. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố anh Sùng A G và chị Thảo Thị P không phải là vợ chồng.
3. Việc nuôi con: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Anh Sùng A G được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng Sùng A B (sinh ngày 05/4/2005) cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Chị Thảo Thị P không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Thảo Thị P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.
4. Về chia tài sản: tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.
5. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn anh Sùng A G, trả lại cho anh Sùng A G số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn*) tạm ứng án phí mà anh Sùng A G đã nộp theo biên lai số 0000318 ngày 22/6/2021 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tam Đường.
6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày lên Tòa án cấp trên kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày lên Tòa án cấp trên kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh.
- VKSND huyện Tam Đường.
- CCTHADS huyện Tam Đường.
- Người TGTT.
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Hồ Thị Tuyết**